

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LONG MỸ  
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 27 – 6 – 2022  
V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG MỸ, TỈNH HẬU GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngô Thừa

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Ngọc Anh
2. Ông Nguyễn Quốc Thắng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Thảo là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa:** Ông Mạch Văn Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 101/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1996; cư trú tại: Ấp K, xã H, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

**- Bị đơn:** Anh Đặng Hoàng Đ, sinh năm 1993; cư trú tại: Ấp K, xã H, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo nội dung đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đặng Hoàng Đ do quen biết và tự nguyện kết hôn vào năm 2015, có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng nên dẫn đến thường xuyên cự cãi, hai bên không tìm được sự đồng cảm trong cuộc sống hôn nhân. Chị cũng đã tạo điều kiện để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng nhưng không thành, chị và anh Đ không còn sống chung với nhau được nữa. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Đặng Hoàng Đ.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh Đ có 01 con chung là cháu Đặng Thị Cẩm T (giới tính: nữ), sinh ngày 11/12/2015. Cháu T hiện đang sống với chị, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị và anh Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

*Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, anh Đặng Hoàng Đ trình bày:* Anh thống nhất với lời trình bày của chị T về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Trong cuộc sống hôn nhân có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm nên đôi khi có cự cãi, dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc, hiện chị T đã về nhà cha mẹ ruột sống và anh chị không còn chung sống với nhau nữa. Nay chị T yêu cầu ly hôn anh cũng đồng ý. Về con chung: Anh yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Bích T vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với anh Đặng Hoàng Đ và yêu cầu được nuôi con chung. Anh Đặng Hoàng Đ cho rằng còn tình cảm vợ chồng với chị T nên không đồng ý ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang trình bày quan điểm:

*Về thủ tục tố tụng:* Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Về nội dung vụ án:* Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Đ đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng trong quá trình chung sống, không thể hàn gắn được. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; cho ly hôn giữa chị T và anh Đ. Về con chung: Giao con chung cho chị T nuôi dưỡng, chị T không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: Đương sự xác định không có, không yêu cầu giải quyết. Về án phí, buộc đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Về thủ tục tố tụng:* Chị Nguyễn Thị Bích T và anh Đặng Hoàng Đ tự nguyện kết hôn năm 2015, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn và có yêu cầu giải quyết ly hôn, nuôi con. Xác định đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con”. Căn cứ Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

*Về nội dung vụ án:*

[1]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Bích T và anh Đặng Hoàng Đ tự nguyện kết hôn năm 2015, có đăng ký kết hôn theo quy định nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên yêu cầu giải quyết ly hôn.

Chị T và anh Đ trình bày thống nhất do bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng nên giữa anh chị thường hay cự cãi dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc. Hai bên đã tìm cách hàn gắn mối quan hệ vợ chồng nhưng không thành nên không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Căn cứ lời trình bày của đương sự; căn cứ vào tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ; qua kết quả xác minh nguyên nhân mâu thuẫn, có cơ sở kết luận: Quan hệ tình cảm vợ chồng giữa T và anh Đ thật sự có mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, hiện tại vợ chồng không còn chung sống với nhau nữa. Từ đó cho thấy, đời sống chung của chị T và anh Đ không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa, chị T cương quyết ly hôn nên Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T; cho ly hôn giữa chị T và anh Đ.

[2]. Về con chung: Chị T và anh Đ có 01 con chung là cháu Đặng Thị Cẩm T (giới tính: nữ), sinh ngày 11/12/2015; khi ly hôn chị T và anh Đ đều có yêu cầu

được nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, từ khi chị T và anh Đ không còn chung sống đến nay thì cháu Cẩm T do chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong thời gian vợ chồng còn chung sống với nhau thì con chung do chị T là người trực tiếp chăm sóc, anh Đ làm công nhân nên ít có thời gian chăm sóc con. Khi chị T về nhà mẹ ruột sống thì cháu Cẩm T vẫn sống cùng với chị T, được chị T chăm sóc chu đáo; anh Đ chỉ mới đưa cháu Cẩm T về bên nội chơi hồi ngày 11/5/2022. Tại phiên tòa, anh Đ thừa nhận khi rước cháu về chơi thì anh Đ gửi cho mẹ ruột chăm nom, trông coi cháu. Xét thấy, cháu Cẩm T là nữ giới nên cần được sự chăm sóc, dạy dỗ của mẹ sẽ đảm bảo hơn trong thời gian cháu đang phát triển về thể chất. Vì vậy, để tạo thuận lợi cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung; để đảm bảo lợi ích, sự ổn định trong cuộc sống và sự phát triển toàn diện về tâm sinh lý của trẻ; Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Cẩm T cho chị T nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi về việc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3]. Về tài sản chung: Chị T và anh Đ xác định có tài sản chung nhưng thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4]. Về nợ chung: Chị T và anh Đ xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị Bích T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Từ những nhận định nêu trên, có căn cứ chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 51, 56, 81, 81, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Bích T và anh Đặng Hoàng Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Đặng Thị Cẩm T (giới tính: nữ), sinh ngày 11/12/2015 cho chị Nguyễn Thị Bích T được quyền nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị Bích T không yêu cầu anh Đặng Hoàng Đ cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Anh Đặng Hoàng Đ có quyền, nghĩa vụ, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Bích T và anh Đặng Hoàng Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Bích T và anh Đặng Hoàng Đ xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bích T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị Bích T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006290 lập ngày 13/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Long Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Long Mỹ;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Ngô Thừa**